

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/KDTM-PT

Ngày: 13-01-2022

*V/v tranh chấp hợp đồng bảo  
hiểm*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Quốc Thịnh

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Bà Vũ Thị Hương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hiệp Định – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 11, 29 tháng 12 năm 2021 và 13 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 43/2021/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2021 về: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/KDTM-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận 1 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3799/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH F

Địa chỉ: Đường số 5A, xã HP, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Đinh Thị Ng và bà Lê Thị Minh T.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Hồ Lê Minh D.

2. Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần B

Địa chỉ: 26 đường TTĐ, phường NTB, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Trường S, ông Nguyễn Hoàng N, ông Nguyễn Đức H.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Phạm Tuấn A

3. Người giám định: Công ty Cổ phần V

Địa chỉ: 328 đường VVK, phường CG, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Nguyễn Xuân S1

4. Người kháng cáo: Tổng Công ty Cổ phần B là bị đơn.

(bà Ng, bà T, ông D, ông H và ông A có mặt; ông S1 có mặt ngày 29/11/2021, xin vắng mặt ngày 29/12/2021 và ngày 13/01/2022; ông Ng1 và ông S vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm đã thể hiện:

*\* Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn ủy quyền cho bà Đinh Thị Ng trình bày:*

Ngày 07/9/2015, Công ty TNHH F (sau đây gọi là Công ty F) ký kết Hợp đồng bảo hiểm số PFA/00951626 (sau đây gọi là Hợp đồng bảo hiểm) với Công ty BDN – Tổng Công ty Cổ phần B (sau gọi là Tổng Công ty B) để mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng mọi rủi ro tài sản cho nhà xưởng; máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ; nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm tại địa điểm đường số 5A, huyện NT, tỉnh Đồng Nai trong thời hạn 01 năm từ 08 giờ 00 ngày 07/09/2015 đến 08 giờ 00 ngày 07/09/2016 với tổng số tiền bảo hiểm là 6.628.628,00 USD, phí bảo hiểm là 19.065,00 USD.

Ngày 01/3/2016, tại xưởng 13 của nguyên đơn xảy ra cháy gây tổn thất nghiêm trọng đối với các tài sản đã được nguyên đơn mua bảo hiểm. Nguyên nhân cháy là do sự cố chập điện theo kết luận của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Tổn thất thiệt hại tài sản bao gồm: Nhà xưởng 13 bị cháy, hư hỏng toàn bộ; Xưởng 12 và Xưởng 10 (bao gồm cả các kết cấu nối giữa Xưởng 13 – Xưởng 12, Xưởng 13 – Xưởng 10) bên cạnh đồng thời bị ảnh hưởng bởi vụ cháy; Các hệ thống đường điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy bị hư hỏng; Toàn bộ hàng hóa, vật tư bên trong bị cháy rụi.

Cùng ngày, nguyên đơn thông báo cho bị đơn về sự kiện cháy nhà xưởng và sau đó bị đơn có giấy yêu cầu giám định chỉ định Công ty Cổ phần ĐCV (nay là Công ty Cổ phần V – sau đây gọi là Công ty V) tiến hành giám định và tính toán tổn thất của nguyên đơn tại địa điểm đường số 5A, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi giám định thiệt hại sơ bộ, ngày 15/3/2016, Công ty F đã bổ sung yêu cầu bồi thường và thông báo tổn thất đúng theo mẫu yêu cầu để Công ty V báo cáo tổn thất với bị đơn. Đồng thời sau đó, Công ty V đã có các văn bản hướng dẫn nguyên đơn cung cấp hồ sơ để hoàn thiện hồ sơ yêu cầu bồi thường.

Ngày 05/5/2016, Tổng Công ty B có Văn bản số 0507/2016-BM/TSKT gửi nguyên đơn xin ý kiến về việc giải quyết vụ tổn thất ngày 01/3/2016. Theo đó, bị đơn đề nghị các phương án giải quyết bồi thường với nguyên đơn, cụ thể: 1. Xác định khối lượng/tình trạng tổn thất của nhà xưởng (được căn cứ theo kết quả đánh giá độc lập của Công ty V); 2. Lựa chọn nhà thầu khắc phục tổn thất nhà xưởng; 3. Thanh lý phế liệu của vụ cháy; 4. Kiểm định nhà xưởng bị ảnh hưởng (theo kết quả kiểm định của Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây

dụng Quốc tế (ICCI)), để hai bên xem xét thống nhất giải quyết vụ tổn thất nhanh chóng.

Ngày 26/12/2017, Tổng Công ty B có Văn bản số 2074/2017-BM/TSKT thông báo thiệt hại của Công ty F không thuộc phạm vi trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm và không xem xét giải quyết bồi thường cho Công ty F.

Ngày 10/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 102/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy đối với nguyên đơn do đã “Vô ý để xảy ra cháy nổ gây thiệt hại trên 50.000.000 đồng vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 48 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ”.

Ngày 09/7/2018, bị đơn tiếp tục có Văn bản số 1256/2018-BM/TSKT thông báo phạm vi trách nhiệm của hợp đồng bảo hiểm về vụ cháy nhà xưởng ngày 01/3/2016, cho rằng Công ty F vi phạm pháp luật về phòng cháy và chữa cháy với lỗi cố ý thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nên không giải quyết bồi thường vụ tổn thất.

Việc bị đơn không thực hiện trách nhiệm bồi thường tổn thất đối với đối tượng được bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm mà hai bên đã giao kết là vi phạm hợp đồng, gây tổn thất cho nguyên đơn trong việc khắc phục thiệt hại. Do đó, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải bồi thường số tiền thiệt hại theo báo cáo cuối cùng tổn thất vật chất của Công ty V là 13.202.364.581 đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử tính từ thời điểm bị đơn có văn bản từ chối trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngày 09/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 5.188.637.793 đồng, tổng cộng: 18.391.002.374 đồng. Công ty F yêu cầu bị đơn trả số tiền trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Bùi Thế L cho rằng:*

Lý do bị đơn từ chối chi trả bảo hiểm cho nguyên đơn do cho rằng nguyên đơn cố ý vi phạm quy định phòng cháy chữa cháy thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 16 Thông tư số 220/2020/TT-BTC ngày 30/12/2010 của Bộ Tài chính là không có căn cứ vì việc xác định nguyên đơn có cố ý gây ra việc cháy nổ hay không phải do cơ quan có thẩm quyền kết luận. Vụ cháy đã được Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Nai kết luận “Đường dây điện đi trong Xưởng 13....bị sự cố ngắn mạch (chập điện)” theo Kết luận giám định số 07/2016-KLGĐ ngày 21/3/2016. Do đó, tại Thông báo số 54/TB-CSĐT-TH ngày 14/7/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện NT, tỉnh Đồng Nai đã kết luận đây là vụ cháy tài sản, không có sự việc phạm tội. Qua các kết luận của cơ quan có thẩm quyền đã xác định vụ cháy xảy ra do lỗi vô ý. Do lỗi vô ý để xảy ra cháy nổ, nguyên đơn cũng đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Trường hợp nguyên đơn cố ý gây cháy nổ để trục lợi bảo hiểm đã bị xử lý hình sự. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định

“Không áp dụng điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm trong trường hợp bên mua bảo hiểm vi phạm pháp luật do vô ý”.

Về nguyên nhân vụ cháy, thực tế hồ sơ phòng cháy chữa cháy của nguyên đơn được cơ quan có thẩm quyền thẩm duyệt đang thi công để hoàn thiện và việc thi công buộc phải lấy nguồn điện tạm và trong các quyết định, thông báo của cơ quan có thẩm quyền không xác định việc câu móc điện tạm để thi công của nguyên đơn là trái quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, để từ chối trách nhiệm bảo hiểm trong vụ việc, bị đơn có dẫn chiếu một số quy định liên quan đến an toàn phòng cháy chữa cháy, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm trong các Nghị định, Thông tư. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 16 Luật Kinh doanh bảo hiểm đã quy định như trên nên phải được ưu tiên áp dụng nếu có mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật. Ngoài ra, bị đơn hoàn toàn có quyền từ chối bán bảo hiểm cho nguyên đơn trong trường hợp nguyên đơn chưa có giấy chứng nhận an toàn phòng cháy chữa cháy nhưng bị đơn đã từ chối quyền của mình nên có nghĩa vụ ràng buộc theo hợp đồng bảo hiểm đã giao kết. Nhà xưởng và hàng hóa nguyên đơn bị thiệt hại trong danh mục tài sản được bảo hiểm và hàng hóa đã được bảo hiểm dù ở bất cứ nơi đâu trong phạm vi đã được bảo hiểm bị thiệt hại bị đơn đều phải có trách nhiệm bồi thường.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B do đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Bị đơn xác nhận quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng giữa Công ty F và Tổng Công ty B như trình bày của nguyên đơn là đúng. Bị đơn thống nhất với kết quả giám định giá trị thiệt hại của Công ty V.

Tuy nhiên, bị đơn từ chối bồi thường bảo hiểm cho nguyên đơn vì những lý do sau:

- Từ năm 2015 đến trước thời điểm xảy ra cháy, Cảnh sát PCCC Đồng Nai đã tiến hành kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy tại Công ty F 04 lần và đã xử phạt hành chính do vi phạm về phòng cháy chữa cháy 02 lần, mỗi lần là 7.000.000 đồng. Đối với gói thầu thi công thiết bị PCCC tại xưởng 13 đã được Cảnh sát PCCC Đồng Nai thẩm duyệt về PCCC ngày 09/7/2014 nhưng thi công chưa xong nên chưa nghiệm thu và theo Thông báo số 54/TB-CSĐT-TH của cơ quan điều tra ghi nhận: Nguyên đơn chưa được đưa hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc vào Xưởng 13. Tuy nhiên vào ngày 05/02/2016, nguyên đơn đã tự ý đưa các loại mút xốp thành phẩm và mút xốp phế liệu vô Xưởng 13 tập kết với số lượng lớn, đồng thời nguyên đơn đã tự ý câu móc đường dây điện từ Xưởng 10 qua Xưởng 13 phục vụ chiếu sáng và vận hành các cửa cuốn Xưởng 13.

- Bị đơn cho rằng nguyên đơn không đủ căn cứ để yêu cầu bồi thường bảo hiểm vì: Nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật, gây nguy hiểm cho đối tượng bảo hiểm;

Những thiệt hại về tài sản của nguyên đơn (do vi phạm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy) thuộc trường hợp bị loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

- Trước thời điểm xảy ra vụ cháy, thiết bị phòng cháy chữa cháy tại xưởng 13 chưa thi công xong và hồ sơ chưa được cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy nghiệm thu phê duyệt, tuy nhiên nguyên đơn đã tự ý câu móc đường dây điện từ Xưởng 10 qua Xưởng 13 phục vụ chiếu sáng và vận hành các cửa cuốn Xưởng 13. Như vậy, việc nguyên đơn thực hiện việc tự ý kéo dây điện từ Xưởng 10 sang Xưởng 13 khi hồ sơ phòng cháy chữa cháy chưa được nghiệm thu phê duyệt của cảnh sát phòng cháy chữa cháy, tự ý đưa trái phép hàng hóa, vật tư, thiết bị máy móc tập kết với số lượng lớn bên trong Xưởng 13 đã vi phạm Điều 17 Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 và các quy định của pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã vi phạm quy định của pháp luật phòng cháy chữa cháy với lỗi cố ý là nguyên nhân chính dẫn đến thiệt hại về tài sản của nguyên đơn và thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Nghị định 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 và Thông tư 220/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010.

Do đó, bị đơn không đồng ý đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Phạm Tuấn A thống nhất với ý kiến của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các căn cứ sau:*

Căn cứ danh mục tài sản tham gia bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm các bên đã giao kết không có xưởng 12 và xưởng 13, không có căn cứ cho rằng “2 xưởng đồ gia dụng” trong danh mục tài sản tham gia bảo hiểm chính là xưởng 12 và xưởng 13. Căn cứ các hồ sơ mà nguyên đơn cung cấp cho đơn vị thẩm định chưa đầy đủ và chính xác để xác định “2 xưởng đồ gia dụng” tham gia bảo hiểm chính là xưởng 12 và 13. Ngoài ra, diện tích “2 xưởng đồ gia dụng” được đăng ký tham gia bảo hiểm có diện tích 6.936m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, căn cứ Thông báo kết quả giải quyết tin báo tội phạm và Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình xây dựng của ICCI thì riêng diện tích tầng trệt của hai xưởng này là hơn 7000m<sup>2</sup> là có sự chênh lệch về diện tích với 2 xưởng đồ gia dụng trong danh mục tài sản được bảo hiểm.

Việc nguyên đơn câu móc điện từ xưởng 10 sang xưởng 13 gây chập điện, đưa xưởng 13 vào sử dụng khi chưa được nghiệm thu phòng cháy chữa cháy là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cháy, nổ gây tổn thất thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm. Việc nguyên đơn tự câu móc điện từ xưởng 10 để thi công xưởng 13 khiến hệ thống điện của xưởng 10 bị quá tải, hoạt động không phù hợp với công suất là hành vi vi phạm các quy định về phòng cháy chữa cháy và vi phạm trong thiết kế, lắp đặt, quản lý, sử dụng điện gây cháy. Ngoài ra, xưởng 13 chưa được nghiệm thu nhưng nguyên đơn tự ý đưa vào sử dụng, hoạt động là trái với quy định của Điều 18 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP, Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, Điều 8 Thông tư 66/2014/TT-BCA, khoản 4 Điều

28 Nghị định 167/2013/NĐ-CP. Do việc cố ý vi phạm quy định về phòng cháy chữa cháy để xảy ra cháy, nổ là trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Người giám định Công ty Cổ phần V ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân Sĩ trình bày:*

Công ty xác định “Báo cáo cuối cùng tổn thất vật chất tại Công ty TNHH F” ngày 25/01/2019 là báo cáo giám định cuối cùng cho toàn bộ tổn thất vật chất do cháy tại nhà xưởng Công ty TNHH F tại huyện NT, tỉnh Đồng Nai vào ngày 01/3/2016. Công ty xác định thiệt hại được tính toán dựa trên hồ sơ danh mục các tài sản tham gia bảo hiểm phù hợp với tài sản bị tổn thất thực tế. Trường hợp các bên không cung cấp được thêm tài liệu nào khác thì chi phí khắc phục hợp lý cho toàn bộ tổn thất theo kết quả của báo cáo này. Tuy nhiên có sự sai sót số liệu trừ phế liệu là 558.747.200 đồng tại trang 9. Mức khấu trừ phế liệu chính xác tại trang 6 là 598.102.238 đồng. Do đó, dẫn đến sai lệch số liệu “IV tổn thất vật chất (I + II + III)”, sai lệch số liệu “VI Tổng cộng” và số liệu “VII Trừ mức khấu trừ” và “VIII Điều chỉnh (VI + VII). Như vậy, tổng thiệt hại chính xác là 13.202.364.581 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/KDTM-ST ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân Quận 1 đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn Công ty TNHH F số tiền bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm PFA/00951626 ngày 07/9/2015 là 18.391.002.374 đồng (bao gồm 13.202.364.581 đồng tiền bảo hiểm và tiền lãi chậm trả từ ngày 09/7/2018 đến ngày xét xử 06/5/2021 là 5.188.637.793 đồng).

Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Công ty TNHH F có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền Tổng Công ty Cổ phần B phải trả cho Công ty TNHH F cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/5/2021, bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với các lý do sau đây:

+ Căn cứ Danh mục tài sản tham gia bảo hiểm năm 2015 đính kèm Hợp đồng bảo hiểm các bên đã giao kết không có Xưởng 12 và Xưởng 13, không có căn cứ cho rằng “2 xưởng đồ gia dụng” trong danh mục tài sản tham gia bảo hiểm chính là Xưởng 12 và Xưởng 13;

+ Những thiệt hại tài sản của Công ty TNHH F do vi phạm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy thuộc trường hợp bị loại trừ trách nhiệm bảo hiểm;

+ Công ty TNHH F đã vi phạm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, gây nguy hiểm cho đối tượng bảo hiểm nên bị đơn có quyền từ chối bồi thường bảo hiểm.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Không đồng ý với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì các lý do sau:

+ Ngay sau khi xảy ra cháy phía Tổng Công ty B đã cử người xuống xử lý tài sản trong đó có cả phế liệu. Do vậy Tổng Công ty B không thể không thừa nhận xưởng 13 không thuộc danh mục bảo hiểm. Ngoài ra tất cả các báo cáo giám định đều thể hiện có xưởng 12 và 13.

+ Bản vẽ công trình trên khu đất đều thể hiện công trình xưởng 12, 13 trước khi Tổng Công ty B ký hợp đồng bảo hiểm. Việc đặt tên xưởng đồ gia dụng và sau này đổi tên thành xưởng 12 và xưởng 13 là việc bình thường trong quá trình hoạt động của công ty.

+ Đối với việc loại trừ nghĩa vụ bảo hiểm, nguyên đơn đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính về lỗi vô ý nên đây không phải lỗi cố ý để loại trừ bảo hiểm. Việc câu móc điện trong quá trình thi công phòng cháy chữa cháy là cần thiết. Nó không vi phạm bất kỳ một qui định nào của hợp đồng bảo hiểm giữa nguyên đơn và bị đơn cũng như luật kinh doanh bảo hiểm. Nguyên nhân xảy ra cháy do sự cố chập điện trong quá trình nguyên đơn đang hoàn thiện hệ thống PCCC. Việc đưa hàng hóa vào xưởng 12,13 khi chưa hoàn thành việc nghiệm thu PCCC là việc bất đắc dĩ, nó là điều khoản di chuyển nội bộ trong hợp đồng bảo hiểm. Phía Tổng Công ty B không có điều khoản nào loại trừ bảo hiểm trong trường hợp này. Hàng hóa bị thiệt hại đều thuộc đối tượng bảo hiểm. Cơ quan PCCC không xác định việc đưa hàng hóa vào xưởng 12,13 là vi phạm qui định PCCC. Nguyên đơn không thể tự ý đốt hàng hóa của mình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

+ *Về tố tụng:* Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm. Đơn kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo còn trong thời hạn luật định, về hình thức kháng cáo hợp lệ.

+ *Về nội dung*: Việc Tổng Công ty B cho rằng xưởng 12,13 không thuộc phạm vi bảo hiểm là không có cơ sở. Việc xảy ra cháy là do lỗi vô ý và nguyên đơn đã bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính đối với lỗi này do vậy không thuộc trường hợp được miễn trừ bảo hiểm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[2] Trên cơ sở thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn, phù hợp với Thông báo kết quả giải quyết tin báo về tội phạm số 54/TB-CSĐT-TH của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NT, tỉnh Đồng Nai, Báo cáo cuối cùng tổn thất vật chất tại Công ty F ngày 25/01/2019 của Công ty V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

- Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản số PFA/00951626 ngày 07/9/2015 giữa Tổng Công ty B và Công ty F được xác lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, nội dung, mục đích và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

- Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 01/3/2016, tại xưởng 13 (chứa nút xóp thành phẩm và nút xóp phế liệu) của Công ty F phát hiện xảy ra cháy. Nguyên nhân cháy là do đường dây điện đi trong xưởng 13 bị sự cố chập điện tạo hạt đồng mang nhiệt độ cao (> 1.4000C) rơi xuống gây cháy nút xóp để bên dưới và gây cháy lan.

- Tổn thất thiệt hại tài sản bao gồm: Nhà xưởng 13 bị cháy, hư hỏng toàn bộ; Xưởng 12 và Xưởng 10 (bao gồm cả các kết cấu nối giữa Xưởng 13 – Xưởng 12, Xưởng 13 – Xưởng 10) bên cạnh đồng thời bị ảnh hưởng bởi vụ cháy; Các hệ thống đường điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy bị hư hỏng; Toàn bộ hàng hóa, vật tư bên trong bị cháy rụi. Tổng thiệt hại là 13.202.364.581 đồng bao gồm: Nhà xưởng là 13.519.915.822 đồng, hàng tồn kho là 785.938.606 đồng, trừ tiền phế liệu 598.120.238 đồng, trừ chi phí dọn dẹp hiện trường 180.000.000 đồng, trừ mức khấu trừ là 687.355.361 đồng.

[3] Về nội dung kháng cáo của Tổng Công ty B, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:



[3.1] Thứ nhất, Tổng Công ty B cho rằng căn cứ Danh mục tài sản tham gia bảo hiểm năm 2015 đính kèm Hợp đồng bảo hiểm các bên đã giao kết không có Xưởng 12 và Xưởng 13, không có căn cứ cho rằng “2 xưởng đồ gia dụng” trong danh mục tài sản tham gia bảo hiểm chính là Xưởng 12 và Xưởng 13, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Căn cứ Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản số PFA/00951626 (theo bản tiếng Việt của hợp đồng) thì đối tượng bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm được xác định như sau:

- Địa điểm có tài sản được bảo đảm là “*đường 5A, huyện NT, tỉnh Đồng Nai*”;

- Tài sản được bảo hiểm (đính kèm danh mục tài sản được bảo hiểm) là “*nhà xưởng, văn phòng; máy móc thiết bị; nguyên vật liệu, thành phẩm, bán thành phẩm*”;

- Rủi ro chính được bảo hiểm: “*Cháy&Nổ*”;

- Bảo hiểm mọi rủi ro tài sản: “*Bảo hiểm tổn thất thiệt hại vật chất bất ngờ cho tất cả các tài sản cố định và tài sản riêng đặt tại bất kỳ nơi nào trong địa điểm được bảo hiểm nêu trên bao gồm tài sản thuộc sở hữu của Người được bảo hiểm và/hoặc thuộc trách nhiệm trông coi bảo quản của Người được bảo hiểm trong thời hạn bảo hiểm gây ra bởi Cháy, Nổ và mọi rủi ro khác trừ khi bị loại trừ theo Quy tắc bảo hiểm này*”.

Như vậy, tất cả nhà xưởng tại bất kỳ nơi nào trong địa điểm được bảo hiểm là trụ sở của Công ty TNHH F đường 5A, huyện NT, tỉnh Đồng Nai, là tài sản thuộc sở hữu và/hoặc thuộc trách nhiệm trông coi bảo quản của Công ty TNHH F đều là đối tượng bảo hiểm, thuộc phạm vi bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mở rộng bảo hiểm mọi rủi ro tài sản số PFA/00951626. Do đó, nội dung kháng cáo này của Tổng Công ty Cổ phần B là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3.2] Thứ hai Tổng Công ty B cho rằng những thiệt hại tài sản của Công ty F do vi phạm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy thuộc trường hợp bị loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tổng Công ty B cho rằng Công ty F đã vi phạm Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ và các quy định của pháp luật phòng cháy chữa cháy có liên quan với lỗi cố ý là nguyên nhân chính dẫn đến thiệt hại về tài sản của nguyên đơn và thuộc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Nghị định số 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 của Chính phủ và Thông tư số 220/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010 của Bộ Tài chính với các lý do như sau:

- Từ năm 2015 đến trước thời điểm xảy ra cháy, Cảnh sát PCCC Đồng Nai đã tiến hành kiểm tra an toàn phòng cháy chữa cháy tại Công ty F 04 lần và

đã xử phạt hành chính do vi phạm về phòng cháy chữa cháy 02 lần, mỗi lần là 7.000.000 đồng.

- Đối với gói thầu thi công thiết bị PCCC tại xưởng 13 đã được Cảnh sát PCCC Đồng Nai thẩm duyệt về PCCC ngày 09/7/2014 nhưng thi công chưa xong nên chưa nghiệm thu. Nguyên đơn chưa được đưa hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc vào Xưởng 13. Tuy nhiên vào ngày 05/02/2016, nguyên đơn đã tự ý đưa các loại mút xếp thành phẩm và mút xếp phế liệu vào Xưởng 13 tập kết với số lượng lớn.

- Trước thời điểm xảy ra vụ cháy, thiết bị phòng cháy chữa cháy tại xưởng 13 chưa thi công xong và hồ sơ chưa được cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy nghiệm thu phê duyệt, tuy nhiên nguyên đơn đã tự ý câu móc đường dây điện từ Xưởng 10 qua Xưởng 13 phục vụ chiếu sáng và vận hành các cửa cuốn Xưởng 13.

Về trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm nêu trên, pháp luật quy định như sau: Tại khoản 8 Điều 10 Nghị định 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định: *“Doanh nghiệp bảo hiểm không có nghĩa vụ bồi thường nếu thiệt hại do cố ý vi phạm các quy định về phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ”*; Tại điểm h khoản 1 Điều 16 Thông tư 22/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010 quy định: *“Doanh nghiệp bảo hiểm không có nghĩa vụ bồi thường nếu thiệt hại do bên mua bảo hiểm cố ý vi phạm các quy định về phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ”*; Tại khoản 2 Điều 308 Bộ luật dân sự năm 2005 (tương ứng với khoản 2 Điều 364 Bộ luật dân sự năm 2015) quy định: *“Cố ý gây thiệt hại hay lỗi cố ý là trường hợp một người nhận thức rõ hành vi của mình sẽ gây thiệt hại cho người khác mà vẫn thực hiện và mong muốn hoặc tuy không mong muốn nhưng để mặc cho thiệt hại xảy ra”*.

Xét, với các lý do Tổng Công ty B nêu trên không có đủ cơ sở để xác định Công ty F cố ý vi phạm các quy định về phòng cháy và chữa cháy để xảy ra cháy, nổ. Ngoài ra, ngày 10/01/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 102/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng cháy và chữa cháy đối với Công ty TNHH F do đã “vô ý để xảy ra cháy nổ gây thiệt hại trên 50.000.000 đồng vi phạm quy định tại khoản 6 Điều 48 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ”. Do đó, nội dung kháng cáo này của Tổng Công ty B là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[3.3] Thứ ba, Tổng Công ty B cho rằng Công ty F đã vi phạm nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, gây nguy hiểm cho đối tượng bảo hiểm nên có quyền từ chối bồi thường bảo hiểm, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại Hợp đồng số PFA/00951626 thể hiện “Điều kiện & điều khoản bảo hiểm” như sau: *“(1) Theo Quy tắc bảo hiểm cháy nổ bắt buộc ban hành theo Thông tư số 220/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010 của Bộ Tài chính. (2) Theo Quy tắc bảo hiểm mọi rủi ro tài sản ban hành kèm theo Quyết định số 1742/2004-*

*BM-BHTS ngày 15/12/2004 của Tổng Công ty Cổ phần Tổng Công ty B. Và các điều khoản bổ sung kèm theo”.*

Tại khoản 2 Điều 10 Thông tư 22/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010 quy định: “*Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm là Tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 130/2006/NĐ-CP*”; Tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 quy định: “*Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm là tuân thủ các quy định về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy*”; Tại khoản 2 Điều 13 Nghị định 130/2006/NĐ-CP ngày 08/11/2006 đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 1 Điều 2 Nghị định 46/2012/NĐ-CP ngày 22/5/2012 quy định: “*Nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm là tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy*”.

Tại khoản 31 Điều khoản bổ sung đính kèm Hợp đồng số PFA/00951626, các bên đã thỏa thuận như sau: “*Người được bảo hiểm cam kết luôn luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về việc phòng chống cháy nổ*”.

Theo nội dung Thông báo kết quả giải quyết tin báo về tội phạm số 54/TB-CSĐT-TH của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NT, tỉnh Đồng Nai, có cơ sở xác định một số tình tiết như sau:

- Đối với gói thầu thi công thiết bị PCCC tại Xưởng 13 đã được Cảnh sát PCCC Đồng Nai thẩm duyệt về PCCC ngày 09/7/2014 nhưng thi công chưa xong nên chưa nghiệm thu do đó Công ty TNHH F chưa được đưa hàng hóa, vật tư, thiết bị máy móc vào Xưởng 13. Tuy nhiên ngày 05/02/2016, Công ty TNHH F đã tự ý đưa các loại mút xốp thành phẩm và mút xốp phế liệu vô Xưởng 13 tập kết với số lượng lớn, đồng thời Công ty TNHH F đã tự ý câu móc đường dây điện từ Xưởng 10 qua Xưởng 13 phục vụ chiếu sáng và vận hành các cửa cuốn Xưởng 13.

- Tiến hành làm việc với anh Phạm Minh H1 (nguyên là Tổng vụ của Công ty TNHH F, anh H1 đã nghỉ việc từ ngày 29/02/2016), Huỳnh Văn T1, Nguyễn Anh T2 và Lê Thành T3 là công nhân Bộ phận Điện, được biết khoảng tháng 11/2015 Công ty TNHH F lắp đặt một đường dây điện loại 2.5mm từ tủ điện trong Xưởng 10 sang Xưởng 13 cho Nhà thầu thi công hệ thống đèn chiếu sáng trong Xưởng 13 sử dụng để thử hệ thống đèn chiếu sáng mới lắp ráp xong. Sau đó, Công ty TNHH F tiếp tục sử dụng đường dây điện này để vận hành các cửa cuốn và đèn chiếu sáng trong Xưởng 13 cho đến ngày 01/3/2016 thì xảy ra cháy.

Như vậy, có cơ sở xác định Công ty F không tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy là “Điều kiện & điều khoản bảo hiểm”, cũng là cam kết của Công ty F theo Hợp đồng số PFA/00951626, cụ thể như sau:

- Đối với gói thầu thi công thiết bị PCCC tại xưởng 13 đã được Cảnh sát PCCC Đồng Nai thẩm duyệt về PCCC ngày 09/7/2014 nhưng thi công chưa

xong nên chưa nghiệm thu. Công ty F chưa được đưa hàng hóa, vật tư, thiết bị, máy móc vào Xưởng 13. Tuy nhiên, vào ngày 05/02/2016 Công ty F đã tự ý đưa các loại mút xốp thành phẩm và mút xốp phế liệu vào Xưởng 13 tập kết với số lượng lớn. Như vậy, Công ty F đã đưa vào sử dụng công trình là Xưởng 13 khi chưa được tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy là vi phạm khoản 1 Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.

- Trước thời điểm xảy ra vụ cháy, thiết bị phòng cháy chữa cháy tại Xưởng 13 chưa thi công xong và hồ sơ chưa được cơ quan Cảnh sát phòng cháy chữa cháy nghiệm thu phê duyệt. Tuy nhiên, Công ty F đã tự ý câu móc đường dây điện từ Xưởng 10 qua Xưởng 13 phục vụ chiếu sáng và vận hành các cửa cuốn Xưởng 13. Như vậy, Công ty F đã sử dụng hệ thống điện tại Xưởng 13 không đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy là vi phạm điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.

Cũng tại Thông báo kết quả giải quyết tin báo về tội phạm số 54/TB-CSĐT-TH của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện NT, tỉnh Đồng Nai đã xác định nguyên nhân dẫn đến việc cháy Xưởng 13 của Công ty TNHH F vào ngày 01/3/2016 như sau: *“Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai giám định nguyên nhân vụ cháy nêu trên và kết luận tại Bản kết luận giám định số 07/2016-KLGD ngày 21/3/2016 như sau: “Mẫu gạch, vữa tường trên lỗ đục không tìm thấy xỉ hàn; điểm xuất phát cháy là khu vực bên trong Xưởng 13 dưới vị trí có ống chữa cháy và lỗ đục trên tường xưởng; đường dây điện bị cháy hết lớp vỏ cách điện đầu dây có hiện tượng nóng chảy, vón cục gửi giám định có dấu vết sự cố điện. Các hạt đồng dạng cầu là sản phẩm của hiện tượng ngắn mạch tạo nên; tế vi mẫu vật gửi giám định thể hiện sự cố ngắn mạch trong điều kiện giàu o xy (trước khi cháy)” đồng thời kết luận nguyên nhân cháy là “đường dây điện đi trong Xưởng 13 (ở mặt tường xưởng hướng tây của tường hướng đông) bị sự cố ngắn mạch (chập điện) tạo hạt đồng mang nhiệt độ cao ( $>1.400^{\circ}\text{C}$ ) rơi xuống gây cháy mút xốp để bên dưới gây cháy lan”.*

Như vậy, trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có cơ sở xác định, nguyên nhân cháy không phải do việc hàn xì khi thi công nhà xưởng mà do chập điện xảy ra bên trong Xưởng 13 (đường dây điện đi trong Xưởng 13 ở mặt tường xưởng hướng tây của tường hướng đông) tạo hạt đồng mang nhiệt độ cao ( $>1.400^{\circ}\text{C}$ ) rơi xuống gây cháy mút xốp để bên dưới gây cháy lan. Có thể thấy rằng, nguyên nhân gây cháy và thiệt hại hoàn toàn xuất phát từ việc Công ty F không tuân thủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy nêu trên, cụ thể: (i) đã sử dụng hệ thống điện tại Xưởng 13 không đảm bảo an toàn về phòng cháy và chữa cháy làm xảy ra chập điện; (ii) đã đưa vào sử dụng công trình là Xưởng 13 khi chưa được tổ chức nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy, tự ý đưa các loại mút xốp thành phẩm và mút xốp phế liệu vào Xưởng 13 tập kết với số lượng lớn dẫn đến khi xảy ra chập điện gây cháy lan.

Do đó, Tổng Công ty B cho rằng Công ty F hoàn toàn có lỗi trong việc để xảy ra cháy gây ra thiệt hại nên từ chối bồi thường toàn bộ số tiền bồi thường

là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 10 Thông tư 22/2010/TT-BTC ngày 30/12/2010, phù hợp với “Điều kiện & điều khoản bảo hiểm” theo Hợp đồng số PFA/00951626.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B là có căn cứ nên chấp nhận, cần sửa toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự ;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty Cổ phần Tổng Công ty B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm như sau:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH F về việc buộc bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B có trách nhiệm bồi thường số tiền bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm PFA/00951626 ngày 07/9/2015 là 18.391.002.374 đồng (bao gồm 13.202.364.581 đồng tiền bảo hiểm và tiền lãi chậm trả từ ngày 09/7/2018 đến ngày xét xử 06/5/2021 là 5.188.637.793 đồng).

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH F phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 126.391.002 đồng được cản trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 65.330.786 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0023765 ngày 30/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH F còn phải nộp bổ sung số tiền án phí là 61.060.216 đồng.

2.2. Hoàn trả cho Tổng Công ty Cổ phần B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0030834 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Quốc Thịnh**